

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc, ông Nguyễn Hữu Thiện, ông Nguyễn Xuân Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thanh H; sinh ngày 21/3/1984 tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nữ; nơi ĐK thường trú: Tổ dân phố E, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi tạm trú: Số A, Nguyễn Thị Đ, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Thanh C (đã chết), con bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1951; chồng: Dương Phước L (Đã ly hôn); Con: 03 đứa (Lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2024); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1966; địa chỉ: TDP E, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: Luật sư Nguyễn Văn N – Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh Q, Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1989; địa chỉ: TDP E, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Ngọc H2, sinh năm 2001; địa chỉ: Khu phố G, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, Vắng mặt.

+ Chị Dương Thị V, sinh năm 1984; địa chỉ: TDP D, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9/2022, anh Nguyễn Trí T nhờ chị Dương Thị V, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố D, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình bán thửa đất số 1197 thuộc tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình, với giá 690.000.000 đồng (Thửa đất này mang tên anh Trần Ngọc H2). Chị V biết Nguyễn Thị Thanh H làm môi giới bất động sản nên giới thiệu thửa đất trên cần bán cho H. Sau đó Huế đăng tin bán thửa đất trên, do có nhu cầu mua đất, chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1966, trú tại tổ dân phố E, phường N, thành phố Đ, gọi điện thoại liên lạc với H đặt vấn đề, Huế giới thiệu thửa đất số 1197 là đất của bạn thân H nhờ bán, Huế cam kết “đất chính chủ, không có tranh chấp, thuận mua vừa bán”. Nhận thấy thửa đất có thể mua được, chị H1 gặp Huế, hai bên thỏa thuận giá thửa đất là 712.000.000 đồng, H đưa mức tiền đặt cọc ban đầu là 300.000.000 đồng. Ngày 25/9/2022, H đã gặp chị V, hai bên thỏa thuận mua bán giá thửa đất 1197 là 670.000.000 đồng. Sau đó, chị V đứng ra làm “Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với thửa đất nói trên với số tiền cọc là 70.000.000 đồng. Thời hạn trong hợp đồng đến ngày 21/10/2022, hai bên sẽ làm thủ tục công chứng, chuyển nhượng thửa đất. Sau khi làm hợp đồng đặt cọc mua thửa đất 1197 với chị V, H tới nhà chị H1 làm hợp đồng đặt cọc tiền để thực hiện việc bán lại thửa đất 1197 cho chị H1, sau khi H nhận số tiền 300.000.000 đồng từ chị H1, hai bên ký kết “Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Thời hạn trong hợp đồng ghi rõ: ngày 20/10/2022 bên B “chị H1” giao đủ số tiền còn lại cho bên A “chị H” là 412.000.000 đồng và hai bên tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng. Huế đã chuyển vào tài khoản của chị V số tiền đặt cọc theo thỏa thuận trước đó là 70.000.000 đồng. Chị V sau khi nhận tiền đặt cọc đã chuyển tiền cho anh T, đồng thời báo anh T chuẩn bị hồ sơ để ngày 21/10/2022 ra làm thủ tục công chứng, chuyển nhượng thửa đất cho H theo hợp đồng mà chị V đã ký kết với H. Sau khi Huế nhận 300.000.000 đồng tiền đặt cọc từ chị Nguyễn Thị Thu H1, ngoài chuyển 70.000.000 đồng cho chị V, số tiền còn lại Huế đã sử dụng chi tiêu cho cá nhân hết. Đến ngày 20/10/2022 theo hạn hợp đồng, H không thể gom đủ tiền để làm thủ tục công chứng chuyển nhượng đất theo hợp đồng đã ký kết, Huế đã gọi điện cho chị V xin hoãn, đồng thời gọi chị H1 xin hoãn thời gian làm thủ tục công chứng.

Đến ngày 05/11/2022 là ngày hết thời hạn cho gia hạn, H biết hợp đồng giữa H với chị V đã hết hiệu lực, đồng thời biết mất khoản tiền 70.000.000 đồng tiền cọc. Mặc dù biết không còn quyền để đứng ra bán thửa đất số 1197, thế nhưng H tiếp tục gặp chị H1 đưa ra các thông tin: Do chủ đất cần tiền gấp để mua nhà, đất; bố của chủ đất bị ốm nên cần chị H1 nộp thêm tiền cọc; Sau đó, H tiếp tục thương lượng với chị H1, nói là chủ đất giảm tiền thửa đất, bảo chị H1 nộp đủ tiền

để ra công chứng. Tin lời Huế, chị [H1](#) đã cùng [H](#) làm lại các hợp đồng và đặt thêm hai lần tiền cọc với số tiền là 270.000.000 đồng, [H](#) hẹn ngày 24/5/2023 sẽ tiến hành làm thủ tục công chứng chuyển nhượng thửa đất số 1197 cho chị [H1](#). Đến hết thời gian thoả thuận Huế vẫn không thực hiện, chị [H1](#) đòi lại tiền nhưng Huế lần lữa không trả.

Ngoài ra, nhằm để có tiền tiêu xài cá nhân, Huế đã đưa ra thông tin gian dối với chị [H1](#) là bản thân Huế đang đầu tư mua đất nền làm dự án tách các thửa đất để bán kiếm tiền, địa chỉ khu đất tại [tiểu khu X, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#), do vậy [H](#) đang cần tiền để làm thủ tục hồ sơ, nếu “ra sổ” tức là được cấp sổ đỏ thì Huế sẽ bán các thửa đất để lấy tiền trả lại cho chị [H1](#). Huế chụp ảnh sơ đồ tách thửa gửi cho chị [H1](#) và giới thiệu 04 thửa đất trong sơ đồ gồm A3, A4, A5, A6 là của Huế để tạo niềm tin cho chị [H1](#) nhưng thực chất các thửa đất trên là của anh [Đào Viết L1](#), sinh năm 1986, trú tại [xã N, thành phố Đ](#). Huế hứa hẹn với chị [H1](#) khi “ra sổ” tức là có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, [H](#) bán lấy tiền để trả khoản tiền 570.000.000 đồng đã nhận cọc từ thửa đất số 1197, đồng thời sẽ thanh toán các khoản tiền vay mượn của chị [H1](#). Chị [H1](#) vì mong muốn lấy lại tiền đồng thời tin [H](#) sẽ bán đất để có tiền trả lại nên chị [H1](#) đã cho [H](#) mượn tổng số tiền 500.000.000 đồng.

Tổng cộng, [Nguyễn Thị Thanh H](#) đã chiếm đoạt của chị [Nguyễn Thị Thu H1](#) số tiền 1.070.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- Bốn bản hợp đồng đặt cọc giữa chị [Nguyễn Thị Thu H1](#) với [Nguyễn Thị Thanh H](#); một bản phụ lục bổ sung hợp đồng; một giấy nhận tiền; một biên bản hoàn trả tiền; mười ba giấy vay tiền; hai giấy thế chấp tài sản; hai bản ảnh được in ra từ điện thoại di động, do chị [H1](#) giao nộp.

- Một bản Hợp đồng đặt cọc tiền giữa chị [Dương Thị V](#) với [Nguyễn Thị Thanh H](#) do chị [V](#) giao nộp.

Về dân sự: Chị [H1](#) yêu cầu [Nguyễn Thị Thanh H](#) bồi thường số tiền còn lại.

Tại bản Cáo trạng số: 121/CT-VKS-P3 ngày 13/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo [Nguyễn Thị Thanh H](#) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Thanh H](#) từ 12 (Mười hai) năm đến 13 (Mười ba) năm tù; đồng thời đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự; buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

*** Tại phiên tòa:**

- + Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố và không tranh luận gì.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ: về nhân thân, hoàn cảnh gia đình và con nhỏ, bị cáo có bồi thường một phần cho bị hại, bị cáo có thời gian làm công tác thiện nguyện trong trận lũ lịch sử năm 2020 để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, do nhận thức pháp luật còn hạn chế, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo sớm trở lại với cộng đồng để rèn luyện, tu dưỡng bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, ý kiến của bị hại và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Luật sư bào chữa cho bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo [Nguyễn Thị Thanh H](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên [Nguyễn Thị Thanh H](#) đã đưa ra thông tin gian dối nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị [Nguyễn Thị Thu H1](#) nhiều lần với số tiền là 1.070.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố, xét xử bị cáo theo điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là có làm thiện nguyện trong trận lũ lịch sử năm 2020, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục răn đe. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có con còn nhỏ, đã khắc phục một phần về trách nhiệm dân sự, vì vậy cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan Điều tra đã thu giữ:

- Bốn bản hợp đồng đặt cọc giữa chị [Nguyễn Thị Thu H1](#) với [Nguyễn Thị Thanh H](#); một bản phụ lục bổ sung hợp đồng; một giấy nhận tiền; một biên bản hoàn trả tiền; mười ba giấy vay tiền; hai giấy thế chấp tài sản; hai bản ảnh được in ra từ điện thoại di động, do chị [H1](#) giao nộp.

- Một bản Hợp đồng đặt cọc tiền giữa chị [Dương Thị V](#) với [Nguyễn Thị Thanh H](#) do chị [V](#) giao nộp.

Cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã nhiều lần khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền là 34.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho bị hại, tuy nhiên cần trừ số tiền 70.000.000 đồng mà bị cáo đã chuyển cho chị [V](#), sau đó chị [V](#) chuyển cho anh [T](#). Như vậy, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho chị [H1](#) số tiền còn lại là 966.000.000 đồng.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng mà bị cáo chuyển cho chị [V](#) để đặt cọc, sau đó chị [V](#) chuyển cho anh [T](#). Hội đồng xét xử xét thấy, thửa đất 1197 mà anh [T](#) nhờ chị [V](#) bán là đang mang tên của anh [Trần Ngọc H2](#), không phải mang tên của anh [T](#). Vì vậy, cần buộc anh [T](#) phải nộp lại số tiền này để trả lại cho chị [H1](#) là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thị Thanh H](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Thanh H](#) 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Thanh H](#) phải có trách nhiệm trả lại cho bị hại [Nguyễn Thị Thu H1](#) số tiền 966.000.000 đồng; buộc anh [Nguyễn Trí T](#) phải nộp số tiền 70.000.000 đồng để trả lại cho bị hại [Nguyễn Thị Thu H1](#).

4. Về án phí: Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Thanh H](#) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 40.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở cơ quan, xã, phường nơi họ thường trú./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- PV06 Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; Bị hại, NCQLNVLQ;
- THA-HS
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Dương